TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYÊN HA HOÀ- TỈNH PHÚ THO	**Đôc lâp - Tư do-Hanh phúc**

Bản án số: 21 /2018/HNGĐ - ST
Ngày 31/01/2018
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Vũ Văn Võ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Sáng
2. Ông Nguyễn Tiến Thát

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thoan .

- *VKSND huyện Hạ Hoà tham gia phiên tòa:* **Bà Đinh Phương Mai -** KSV

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:235/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2017
Giữa các đ- ơng sự:
1. Nguyên đơn: Chị **Trình Thị T** sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu 4, xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T1** sinh năm 1979
Địa chỉ tại: Khu 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Trình Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Anh T ngày 26/7/2001 được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ - huyện H - Phú Thọ. Sau kết hôn chị về làm dâu nhà anh ngay, ăn chung, ở chung cùng gia đình anh T1 được 01 năm thì vợ chồng ăn riêng, ở riêng trên đất của bố mẹ đẻ anh cho mượn. Mâu thuẫn phát sinh kể từ năm 2007. Nguyên nhân do anh T1 đi làm rồi dẫn gái về nhà và đuổi chị ra khỏi

nhà. Chị đã bỏ về nhà mẻ đẻ ở từ đó đến nay và vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung

1/ Nguyễn Thị A sinh ngày 25/11/2001

2/ Nguyễn Thị H sinh ngày 26/11/2007

Ly hôn chị xin nuôi dưỡng cháu A, anh T1 nuôi cháu H và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về con riêng: Sau khi ly thân với anh T1 chị có 01 con riêng là cháu Trình Thị G sinh ngày 25/12/2013 ly hôn chị xin chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu G đến khi thành niên , anh T1 không phải cấp dưỡng , không phải trách nhiệm gì đối với cháu G.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T1 vắng mặt tại tòa nên không có lời khai.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị T có mặt, anh T1 đều vắng mặt. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương lấy lời khai của mẹ đẻ anh T1 thì bà cho biết hiện anh T1 con bà đang đi làm ăn xa trong miền Nam thỉnh thoảng mới về, các giấy triệu tập và giấy báo của Tòa án báo anh T1 đến làm việc và hòa giải thì bà đều nhận hộ và thông báo lại cho anh T1 biết nhưng anh nói là phải đi làm ăn không về được, Tòa án cứ giải quyết cho chị T được ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì.

Quá trình làm việc tại địa phương, UBND xã Đ cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng hai người sống ly thân đã lâu nên không có khả năng đoàn tụ. Đề nghị Tòa án xử cho chị T được ly hôn anh T1.

Phát biểu của Kiểm sát viên :

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã khẳng định quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, thư ký hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc tống đạt văn bản tố tụng cần rút kinh nghiệm đó là: Phải yêu cầu người nhận văn bản tố tụng thay cho đương sự phải viết cam kết giao tận tay cho đương sự .

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trình Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Anh T1

- **Về con chung**: Xác định chị T và anh T1 có 02 con chung:

1/ Nguyễn Thị A sinh ngày 25/11/2001

2/ Nguyễn Thị H sinh ngày 26/11/2007

Do anh T1 vắng mặt, đề nghị HĐXX giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- **Về con riêng:** Chị T xác định cháu: Trình Thị G, sinh ngày 25/12/2013 là con riêng của chị. Do vậy đề nghị HĐXX giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu G đến khi thành niên, anh T1 không phải cấp dưỡng, không phải trách nhiệm gì đối với cháu G.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị Trình Thị T xác định vợ chồng không có tài sản gì, không nợ ai và không cho ai vay gì, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Anh T1 hiện đang vắng mặt không có ý kiền của anh T1 về các mối quan hệ này, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn nếu phát sinh tranh chấp mà các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ .

- **Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung :** Anh T1 phải chịu 300.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình thụ lý,giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập các bên đương sự đến làm việc, chị T có mặt, anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù mẹ đẻ của anh T1 đã nhận đầy đủ các giấy báo, thông báo phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã thông báo lại cho anh T1 tuy nhiên anh T1 vẫn có tình vắng mặt vì vậy, vụ án không hòa giải được.

TAND huyện Hạ Hòa - Phú Thọ đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa và đã tống đạt hợp lệ lần thứ nhất, anh T1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã ra thông báo mở lại phiên tòa lần thứ 2 và tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 điều 227 - BLTTDS Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trình Thị T với anh Nguyễn Anh T1 kết hôn vào ngày 26/7/2001 được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ - huyện H - Phú Thọ. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân do anh T1 đi làm và đã dẫn gái về nhà và đánh đuổi chị. Do vậy, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2007 đến nay, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T1.

Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án anh T1 đều vắng mặt. Qua làm việc với mẹ đẻ anh T1 và xác minh tại UBND xã Đ thì đều xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, hai bên không còn khả năng đoàn tụ, chị

T không trở về chung sống cùng anh T1 nữa, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết bảo đảm quyền lợi ích cho các đương sự.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trình Thị T:

Xác định hiện nay chị Trình Thị T và anh Nguyễn Anh T1 đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng nữa. Cho thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại, hai bên không muốn duy trì hôn nhân nữa. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Trình Thị T với anh Nguyễn Anh T1 là phù hợp với điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị Trình Thị T chỉ xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu:

1/ Nguyễn Thị A sinh ngày 25/11/2001

2/ Nguyễn Thị H sinh ngày 26/1/2007

Sau ly hôn do anh T1 không có mặt tại địa phương và gia đình, do vậy cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu H, kể từ tháng 01/2018; anh T phải cấp dưỡng nuôi hai cháu, mỗi cháu là 650.000đ/1 tháng, hai cháu là 1.300.000đ/1 tháng cấp dưỡng theo từng tháng kể từ tháng 01/2018 đến khi từng cháu thành niên.

Đối với cháu Trình Thị G sinh ngày 25/12/2013 chị T xác định là con riêng. Xét quá trình chung sống của chị T và anh T từ năm 2007 đến nay hai bên đã sống ly thân, không gặp nhau lần nào và không quan hệ sinh lý với nhau, do chị quan hệ với người đàn ông khác sinh được cháu G. Do vậy việc chị T xác định cháu G là con riêng của chị và chị tự nguyện chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu G, anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu G cùng chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay, công sức đóng góp:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa: Chị Trình Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay gì, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Anh T1 hiện đang vắng mặt, không có ý kiến của anh T1 về các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn, anh T1 trở về địa phương nếu phát sinh tranh chấp mà các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)
- Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T phải chịu 300.000đ

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 4 điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Trình Thị T được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

2. Về con chung:

Xử giao chị Trình Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu:

1/ Nguyễn Thị A sinh ngày 25/11/2001

2/ Nguyễn Thị H sinh ngày 26/1/2007

Anh T1 có trách nhiệm nuôi dưỡng hai cháu: Nguyễn Thị A, sinh ngày 25/11/2001, Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/1/2007, mỗi cháu là 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn đồng)/ 1 tháng hai cháu là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) /1 tháng; cấp dưỡng theo từng tháng, kể từ tháng 01/2018 đến khi từng cháu thành niên. Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật không bên nào được ngăn cản.

3. **Về con riêng:** Giao cho chị Trình Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu: Trình Thị G sinh ngày 25/12/2013 kể từ tháng 01/2018 đến khi cháu G thành niên, anh Nguyễn Anh T không có trách nhiệm cấp dưỡng và nuôi dưỡng cháu Trình Thị G.

4.Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay, công sức đóng góp:

Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sau ly hôn anh T1 trở về địa phương có phát sinh tranh chấp, có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trình Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA 2016/0003347 ngày 17/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

6. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án chị T có mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Anh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được niêm yết tại UBND xã nơi anh cư trú lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND H. Hạ Hòa
- Chi cục THADS H. Hạ Hòa
- Lưu HS - VP
- UBND xã Đ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Văn Võ